

Số: 5478318

|                                      | KIA NEW SPORTAGE 2.0G LUXURY | Mazda6 2.5L Signature (2024) |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá niêm yết:                        | 839.000.000đ                 | 899.000.000đ                 |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:             |                              |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)             | 4.685 x 1.865 x 1.660        | 4865 x 1840 x 1450           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                 | 2.755                        | 2830                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)    | -                            | 5600                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)              | 181                          | 165                          |
| Khối lượng không tải (kg)            | -                            | 1550                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)             | -                            | 2000                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)          | -                            | 480                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)       | 52                           | 62                           |
| Số chỗ ngồi                          | 5                            | 5                            |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                |                              |                              |
| Loại động cơ                         | Smartstream 2.0G             | Skyactiv-G 2.5L              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)         | 154 hp / 6.200 rpm           | 188 / 6000                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)        | 192 Nm / 4.500 rpm           | 252 / 4000                   |
| Hộp số                               | Tự động 6 cấp (6AT)          | 6AT                          |
| Hệ thống dẫn động                    | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                  | McPherson                    | Độc lập Mc Pherson           |
| Hệ thống treo sau                    | Liên kết đa điểm             | Liên kết đa điểm             |
| Thông số lốp xe                      | 235/55 R19                   | 225/45 R19                   |
| Chế độ lái                           | Normal, Eco, Sport, My Drive | Normal/Sport                 |
| Chế độ địa hình                      | -                            |                              |
| NGOẠI THẤT:                          |                              |                              |
| Cụm đèn trước                        | LED                          | LED                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt            | ●                            | ●                            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ●                            | Đèn thích ứng thông minh ALH |
| Đèn ban ngày LED                     | ●                            | ●                            |
| Đèn sương mù                         | LED Projector                | LED                          |
| Cụm đèn sau                          | LED                          | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ●                            | ●                            |
| Gạt mưa tự động                      | ●                            | ●                            |
| Cửa sổ trời                          | -                            | ●                            |
| Trang bị khác                        | Cốp chỉnh điện thông minh    |                              |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                |                              |                              |
| Vô lăng bọc da                       | ●                            | ●                            |
| Chất liệu ghế                        | Da                           | Da (Nappa)                   |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                            |                              |
| Ghế người lái chỉnh điện             | 10 hướng                     | ●                            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                            | ●                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●                            |                              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -                            | ●                            |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                            | ●                            |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                            |                              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | 12.3"                        | Analog & Digital             |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 12.3"                        | 8                            |

|                                                 |                |                |
|-------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | Không dây      | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●              | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2 vùng độc lập | 2              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●              | ●              |
| Chìa khóa thông minh                            | ●              | ●              |
| Khởi động nút bấm                               | ●              | ●              |
| Khởi động từ xa                                 | ●              |                |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa          | 11 loa Bose    |
| Lấy chuyển số                                   | -              | ●              |
| Sạc không dây Qi                                | -              | ●              |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●              | ●              |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●              | ●              |
| Đèn trang trí nội thất                          | -              |                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●              | ●              |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                |                |
| Số túi khí                                      | 06             | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              | ●              |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước và sau   | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●              | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●              | ●              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●              | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●              | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●              | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●              | ●              |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●              |                |
| Camera lùi                                      | ●              | ● (Camera 360) |